TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2023/DS–ST
Ngày: 30–8–2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Loan

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN G tham gia phiên tòa: Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2023/QĐXXST–DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 331/2023/QĐST–DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q; Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Sailing Tower, số A, đường P, phường Bến N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc Đ và ông K' Jac L; Địa chỉ: Tầng 6, đường Ung Văn K, Phường B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2023. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

Ông Lê Mậu H; Địa chỉ: Số 1 đường Nguyễn Văn L, Phường C, QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Hương L; Địa chỉ: Số 5 đường Nguyễn O, Phường C, QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Q (gọi tắt Ngân hàng) có người đại diện hợp pháp ông Trịnh Đình H, ông Phạm Văn C và ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Ngân hàng Q (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Mậu H, bà Nguyễn Thị Hương L ký kết hợp đồng tín dụng số 4958220.19 ngày 18/7/2019 cho ông H, bà L vay 2.280.000.000 đồng, mục đích vay mua ô tô mới nhãn hiệu BMW 420i, thời hạn vay 96 tháng từ ngày 20/7/2019 đến ngày 19/7/2027. Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay là 9%/năm. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.7%/năm.

Hoàn trả khoản vay gốc: hàng tháng trả 23.750.000 đồng vào cùng ngày trả lãi, phần còn lại trả cuối kỳ, kỳ đầu tiên ngày 18/8/2019. Hoàn trả lãi: hàng tháng vào ngày 08. Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà L theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4958220.19(1) ngày 19/7/2019 với số tiền 2.280.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Ngày 19/7/2019, ông H có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông H loại thẻ tín dụng Quốc tế VIB Cash back; ngày cấp 23/7/2019; hạn mức 147.000.000 đồng; lãi suất, phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Ông H, bà L đã thanh toán 943.809.370 đồng, trong đó gốc là 546.250.000 đồng, lãi là 397.559.370 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc với ông H và bà L nhưng ông bà vẫn không thanh toán khoản nợ quá hạn, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân QUẬN G giải quyết:

Buộc ông H và bà L trả ngay số tiền tạm tính đến ngày 07/10/2021 là 1.968.050.163 đồng, trong đó dư nợ gốc 1.733.750.000 đồng, nợ lãi 72.271.864 đồng và nợ thẻ tín dụng là 162.028.299 đồng. Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ sau ngày 07/10/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Theo thông báo ngày 05/7/2022 của Ngân hàng, Ngân hàng đã hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm theo đúng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết và theo quy định pháp luật. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ các chi phí phát sinh và được hạch toán thu nợ như sau: 2.204.843.000 đồng, bao gồm nợ gốc hợp đồng tín dụng 4958220.19 là 1.733.7500.000 đồng, nợ lãi hợp đồng tín dụng 4958220.19 là 267.238.158 đồng và nợ thẻ tín dụng 203.854.842 đồng. Tính đến ngày 01/7/2022, ông H, bà L còn nợ thẻ tín dụng 28.603.079 đồng

Theo đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 05/7/2022 của Ngân hàng, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 2.204.843.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Bà và ông H đã ly hôn theo Quyết định số 1509/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân QUẬN G. Do ông H yêu cầu bà có ký hợp đồng tín dụng để mua xe ô tô BMW, khoản vay và giấy tờ do ông H thực hiện, bà chỉ ký tên. Bà được biết chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp Ngân hàng đã thanh lý xong. Bà không còn liên quan đến khoản nợ tín dụng này. Đối với khoản nợ thẻ tín dụng, bà không ký, bà không có liên quan, ông H tự giải quyết với Ngân hàng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, được vắng mặt cho đến khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (02 lần); Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên toà đối với bị đơn là ông H nhưng ông ông H đều vắng mặt, không có lý do, không có bản khai.

Do ông H và bà L vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đang, ông K' Jac L thống nhất trình bày:

Ngân hàng yêu cầu ông Lê Mậu H, bà Nguyễn Thị Hương L liên đới trả ngay cho Ngân hàng số tiền nợ (nợ thẻ tín dụng) tính đến 30/8/2023 là 67.524.518 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 28.603.079 đồng; nợ lãi 11.367.826 đồng và nợ phí 27.553.613 đồng. Ông H, bà L còn phải chịu thêm tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 31/8/2023 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019; bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn ông ông H và bà L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần khởi kiện và đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Lê Mậu H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Hương Lan cùng ông Lê Mậu H liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

- Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Q khởi kiện ông Lê Mậu H, bà Nguyễn Thị Hương L phải trả số tiền còn nợ, đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông H có địa chỉ 1 đường Nguyễn Văn L, Phường C, QUẬN G, bà L địa chỉ 5 đường Nguyễn O, Phường C, QUẬN G. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN G theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân QUẬN G tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông H theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.2] Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Ngân hàng có Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 2.204.843.000 đồng, do bị đơn đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ đối với toàn bộ hợp đồng tín dụng số 4958220.19 ngày 18/7/2019 và một phần hợp đồng thẻ tín dụng ngày 19/7/2019, xét việc rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu ông H, bà L liên đới chịu trách nhiệm thanh toán ngay số tiền nợ (nợ thẻ tín dụng) tính đến hết ngày 30/8/2023 là 67.524.518 đồng, trong đó nợ gốc 28.603.079 đồng, lãi 11.367.826 đồng, phí 27.553.518 đồng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019; cùng lời trình bày của nguyên đơn, bà L bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H, hạn mức tín dụng là 147.000.000 đồng, lãi suất, phí theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Khi ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019, một mình ông H ký, bà L không cùng ký, đồng thời ông H, bà L đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1509/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân QUẬN G, nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về một mình ông H, nguyên đơn yêu cầu bà L liên đới chịu trách nhiệm cùng ông H trả nợ là không có cở sở để chấp nhận.

Ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 01/7/2021, ông H còn nợ thẻ tín dụng 28.603.079 đồng. Tính từ ngày 07/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2023, ông H nợ tiền lãi là 11.367.826 đồng, nợ phí 27.553.518 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán số nợ 67.524.518 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.5] Ngân hàng yêu cầu ông H, bà L còn phải chịu thêm tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 31/8/2023 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019; bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Hội đồng xét xử xét thấy,

Do bà L không cùng ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019 và bà L với ông H đã ly hôn trước khi ông H ký đề nghị này nên Ngân hàng yêu cầu bà L liên đới chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 31/8/2023 là không có cơ sở chấp nhận, chỉ chấp nhận yêu cầu ông H phải chịu trách nhiệm là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 67.524.518 đ = 3.376.226 đồng.

Nguyên đơn không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà L liên đới trả nợ nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được cấn trừ vào số tiền 35.520.752 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại nguyên đơn 35.220.752 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0047881 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN G.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Lê Mậu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 67.524.518 (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm mười tám) đồng, trong đó nợ gốc 28.603.079 (Hai mươi tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn không trăm bảy mươi chín) đồng, lãi quá hạn 11.367.826 (Mười một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi sáu) đồng, theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019; bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng; ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019; bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương L liên đới trả số nợ 67.524.518 (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm mười tám) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q yêu cầu ông Lê Mậu H và bà Nguyễn Thị Hương L trả nợ 2.204.843.000 đồng (toàn bộ hợp đồng tín dụng số 4958220.19 ngày 18/7/2019 và một phần nợ theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 19/7/2019).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Mậu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.376.226 (Ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi sáu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí nhưng được cấn trừ vào 35.520.752 (Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho Ngân hàng Q 35.220.752 (Ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0047881 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND QUẬN G;
- Chi cục THADS QUẬN G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc